

Bản án số: 291/2023/HS-PT

Ngày: 25-7-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Việt Cường**

*Các Thẩm phán:*

Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Nguyễn Cường.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Đặng Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 25-7-2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 232/2023/TLPT-HS ngày 16-5-2023 đối với bị cáo Lê Thị K và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Bị cáo kháng cáo:**

**1.** Lê Thị K, sinh năm 1965 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số H, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ phường A; con ông Lê Bá L và bà Trịnh Thị Đ (đã chết); chồng là Đoàn Đình H, sinh năm 1965 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05-4-2005, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày ngày 20-4-2022; đến ngày 18-7-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, vắng mặt (có đơn xin hoãn phiên tòa).

**2.** Trần Thị Hiền H1, sinh năm 1988 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: T, Tam Quan N, thị xã H, Bình Định; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán;

con ông Trần Văn C và bà Trịnh Thị T; chồng là Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1986 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại điểm cầu thành phần.

**3.** Trương Nhân H2, sinh năm 1964 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố T, Tam Quan B, thị xã H, tỉnh Bình Định; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Rửa xe; con ông Trương N1 và bà Lê Thị T2 (đã chết); vợ là Võ Thị H3, sinh năm 1966 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 28-12-2021; đến ngày 26-5-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho B lĩnh, có mặt tại điểm cầu thành phần.

**4.** Võ Thị D, sinh năm 1972 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố K, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: Không; con ông Võ P và bà Hà Thị N2; chồng là Phạm Ngọc T3, sinh năm 1972 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 28-12-2021; đến ngày 26-5-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho B lĩnh, có mặt tại điểm cầu thành phần.

**5.** Phan Thị T4, sinh năm 1965 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố K, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phan Q và bà Phạm Thị B1 (đã chết); chồng là Ngô Ngọc C1, sinh năm 1966 và có 04 con (lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 28-12-2021; đến ngày 26-5-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho B lĩnh, có mặt tại điểm cầu thành phần.

**6.** Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1972 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố T, phường T, thị xã H, Bình Định; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: Làm biển; con ông Nguyễn Văn X và bà Trương Thị S (đã chết); vợ là Huỳnh Thị Minh T5, sinh năm: 1971 (là bị cáo trong vụ án) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, vắng mặt (có đơn xin hoãn phiên tòa).

**7.** Cao Thị T6, sinh năm 1985 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Cao P1 (đã chết) và bà Lê Thị T7; chồng là Võ Văn C2, sinh năm 1988 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, vắng mặt (có đơn xin hoãn phiên tòa).

**8.** Nguyễn Thị L1, sinh năm 1985 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam;

tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Ngọc C3 và bà Trần Thị M; chồng là Phạm Văn H4, sinh năm 1984 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, vắng mặt (có đơn xin hoãn phiên tòa).

**9.** Lê L2, sinh năm: 1964 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố T, phường T, thị xã H, Bình Định; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Cán bộ Khu phố T; là Đảng viên Đ4 (đã vị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Lê H5 và bà Ngô Thị L3 (đã chết); vợ là Võ Thị Mỹ N3, sinh năm 1964 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú (có đơn xin hoãn phiên tòa).

**10.** Trần Thị Bích T8, sinh năm 1987; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Trần X1 (đã chết) và bà Ngô Thị U; chồng là Trương Quốc P2 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, vắng mặt (có đơn xin hoãn phiên tòa).

*(Vụ án còn có 04 bị cáo khác và có 63 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 15-11-2018, Bộ NNPTNT ban hành Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT (có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2019) quy định về chức danh, định biên an toàn tối thiểu đối với các thuyền viên tàu cá phải có thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy và được cấp chứng chỉ theo chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục được Nhà nước quy định. Ngày 14-4-2020, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND về việc thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định, quy định các tàu cá từ 15 m trở lên khi xuất, nhập bến phải đăng ký đầy đủ các chức danh như: Thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy theo quy định của Thông tư. Do một số chủ tàu cá ở thị xã H, tỉnh Bình Định không có các chứng chỉ thợ máy tàu cá đăng ký vào sổ danh bạ thuyền viên theo quy định, nhưng để hợp thức hóa thủ tục xuất bến, các chủ tàu, thân nhân chủ tàu này đã thông qua các đối tượng như Trần Thị Hiền H1, Nguyễn Tấn H6, Trương Nhân H2, Trương Văn H7, Lê L2, La Văn T9, Huỳnh Thị Minh T5, Nguyễn Văn Đ1, Trần Thị Bích T8, Nguyễn Thị L1 và

Cao Thị T6 gửi hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy để cho Lê Thị K làm giả 34 chứng chỉ thợ máy, máy trưởng của thân nhân chủ tàu và chủ tàu cá, thu lợi bất chính 6.900.000 đồng, cụ thể:

1. Hành vi của Lê Thị K, Trần Thị Hiền H1 và Nguyễn Tấn H6 làm giả 34 chứng chỉ (gồm 33 chứng chỉ thợ máy, 01 chứng chỉ máy trưởng).

Trần Thị Hiền H1 mua bán mỹ phẩm, nên quen Lê Thị K. Đến năm 2019, Lê Thị K biết một người tên H8 (không rõ lai lịch, ở thành phố B, tỉnh Đồng Nai) làm các văn bằng, chứng chỉ giả, nên K nhắn tin qua số điện thoại của Trần Thị Hiền H1, với nội dung: “Có làm văn bằng, chứng chỉ giả các loại và có kèm theo số điện thoại để liên hệ”. Trần Thị Hiền H1 đồng ý rồi trao đổi với K về cách thức làm và giá tiền mỗi chứng chỉ, thì K nói: “Để làm được chứng chỉ giả thì phải gửi hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy, giá mỗi chứng chỉ từ 600.000 đồng đến 700.000 đồng”. Biết được cách thức, H1 móc nối với Nguyễn Tấn H6 tìm người có nhu cầu làm giả chứng chỉ thợ máy, máy trưởng, giá mỗi chứng chỉ thợ máy từ 1.500.000 đồng đến 2.500.000 đồng, thì H6 đồng ý. Nguyễn Tấn H6 móc nối với Trương Nhân H2, Trương Văn H7, Lê L2, Trần Thị Bích T8, Nguyễn Thị L1, Cao Thị T6, Huỳnh Thị Minh T5 và Nguyễn Văn Đ1 tìm các chủ tàu cá có nhu cầu làm giả chứng chỉ thợ máy, máy trưởng thì cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân, với giá 3.000.000 đồng/01 chứng chỉ thợ máy và 4.000.000 đồng/01 chứng chỉ máy trưởng để H6 làm và được trích lại 100.000 đồng/01 chứng chỉ, thì Trương Nhân H2, Trương Văn H7, Lê L2, Trần Thị Bích T8, Cao Thị T6, Nguyễn Thị L1, Huỳnh Thị Minh T5 và Nguyễn Văn Đ1 thống nhất.

Khi nhận được hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy của các chủ tàu gửi, Nguyễn Tấn H6 gửi cho Trần Thị Hiền H1 để H1 gửi cho Lê Thị K đặt làm 34 chứng chỉ thợ máy tàu cá (gồm 33 chứng chỉ thợ máy, 01 chứng chỉ máy trưởng). Còn tiền, thì H1 sử dụng dịch vụ Internet Banking để chuyển cho Lê Thị K qua số tài khoản của Đoàn Thị Mỹ H9 (con của K). Khi có các hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy của các chủ tàu, Lê Thị K đặt mua của tên H8 (không rõ lai lịch) rồi đóng gói gửi cho Trần Thị Hiền H1 qua đường bưu điện hoặc qua Công ty Cổ phần X5 để nhận. Khi gửi các chứng chỉ giả này, Lê Thị K không ghi tên thật của mình, mà ghi thông tin người gửi là “Tuyệt Lê”, “Tuyệt”, “Cô T6”, “O”, “Oanh N4” để cho Trần Thị Hiền H1 nhận. Sau đó, Trần Thị Hiền H1 đưa cho Nguyễn Tấn H6 để giao lại cho những người đặt làm. Lê Thị K thu lợi bất chính 6.900.000 đồng, Trần Thị Hiền H1 thu lợi bất chính 31.500.000 đồng. Nguyễn Tấn H6 thu lợi bất chính 21.000.000 đồng.

Ngoài ra, khi bắt và khám xét nơi ở của Lê Thị K, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh B còn thu giữ trong cốp xe mô tô có một số văn bằng chứng chỉ giả mang tên Trần Trọng Đ2 (sinh năm 1982, trú tại: Ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai), Nguyễn Văn N5 (sinh ngày 17-12-1991, trú tại: L, T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) đều được giám định là các văn bằng chứng chỉ giả. Tuy nhiên, xét thấy các văn bằng chứng chỉ giả này không liên quan đến việc làm các chứng chỉ thợ máy tàu cá ở tỉnh Bình Định, nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh B

tách hành vi này và chuyển toàn bộ vật chứng nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

**2.** Hành vi của Trương Nhân H2 câu kết với Nguyễn Tấn H6 làm giả 18 chứng chỉ thợ máy tàu cá cung cấp cho Võ Thị D, La Văn T9 và chủ tàu Hồ Lôi, thu lợi bất chính 1.800.000 đồng, cụ thể:

Cuối năm 2019, Nguyễn Tấn H6 gặp và quen Trương Nhân H2. Sau khi trao đổi, H6 đặt vấn đề làm giả chứng chỉ thợ máy tàu cá và yêu cầu H2 cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy của các chủ tàu để làm giả, cứ mỗi chứng chỉ H6 trích lại cho H2 100.000 đồng, H2 đồng ý. Sau khi thống nhất, H2 tìm và biết La Văn T9, Võ Thị D và chủ tàu Hồ Lôi, H2 giới thiệu mình có khả năng đặt làm các chứng chỉ thợ máy tàu cá, mỗi chứng chỉ là 2.000.000 đồng. Võ Thị D và La Văn T9 tìm gặp các chủ tàu chưa có chứng chỉ thợ máy, yêu cầu các chủ tàu và người thân chủ tàu muốn làm thì phải cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy để đưa cho D và T9. Từ năm 2019 đến năm 2020, Trương Nhân H2 đã nhận của Võ Thị D, La Văn T9 và Hồ L4 (chủ tàu cá) hình thẻ và giấy chứng minh nhân dân photocopy làm 18 chứng chỉ thợ máy với số tiền 36.200.000 đồng. Sau đó, H2 đưa lại cho H6 để H6 gửi cho Trần Thị Hiền H1 làm giả. H2 thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng.

**2.1.** Hành vi Võ Thị D câu kết với Trương Nhân H2 làm giả 06 chứng chỉ thợ máy tàu cá; câu kết với Phan Thị T4 làm 08 chứng chỉ thợ máy tàu cá giả, thu lợi bất chính 500.000 đồng:

Sau khi biết Trương Nhân H2 có khả năng làm giả các chứng chỉ thợ máy, từ năm 2019 đến năm 2020, Võ Thị D tìm những người thân chủ tàu và các chủ tàu có nhu cầu làm chứng chỉ giả thì cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh photocopy gửi cho D, cứ 01 chứng chỉ D thu từ 2.200.000 đồng đến 2.500.000 đồng. Sau đó, người thân và các chủ tàu như Trương Long V (chủ tàu Nguyễn Trọng Đến, số đăng ký tàu cá BĐ96530TS), Nguyễn Trọng Đ3 (em ruột Đến) đã cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh photocopy của Trần Trịnh Văn H10; chủ tàu Nguyễn Minh V1 (số đăng ký tàu cá BĐ98262TS) cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy của Phan M1; Trần Văn T10 (là thuyền viên cho tàu cá của Nguyễn Tấn B2, số đăng ký tàu cá BĐ96805TS) cung cấp hình thẻ và giấy chứng minh nhân dân photocopy mang tên Trần Văn T10; Trương Thị P3 (vợ chủ tàu Nguyễn Như, số đăng ký tàu cá BĐ98101TS) cung cấp hình thẻ và giấy chứng minh nhân dân photocopy mang tên Nguyễn Văn T11 để gửi cho D làm giả chứng chỉ thợ máy. Võ Thị D thu lợi bất chính 500.000 đồng.

Ngoài ra, Võ Thị D còn câu kết với Phan Thị T4 nhận các hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy của các người thân chủ tàu và chủ tàu như Hồ Láng, Trần Ngọc D1, Nguyễn Chí T12, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn P4, Phan Hữu C4, Cao Văn T13, Nguyễn Văn Thế M2 gửi cho Võ Thị D nhận làm với giá 2.200.000 đồng đến 2.500.000 đồng/01 chứng chỉ. Như vậy, Phan Thị T4 đã nhận các hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân đưa cho Võ Thị D làm 08 chứng chỉ thợ máy. Phan Thị T4 thu lợi bất chính 700.000 đồng.

**2.2.** Hành vi La Văn T9 câu kết với Trương Nhân H2 làm giả 03 chứng chỉ thợ máy tàu cá, thu lợi bất chính 600.000 đồng:

Do quen Trương Nhân H2, nên khi H2 đặt vấn đề làm giả chứng chỉ thợ máy tàu cá, thì La Văn T9 đồng ý. Từ tháng 02 đến tháng 5-2020, T9 đã gặp và hỏi Trương Thị B3 (vợ chủ tàu Cái Vắn Mới, số đăng ký tàu cá BD97156TS) và Trần Thị B4 (vợ chủ tàu Trương Thu, số đăng ký tàu cá BD98359TS) có làm chứng chỉ thợ máy tàu cá cho Võ Minh H11, Trương T14 không? thì được B3 và B4 đồng ý và mỗi người đưa 2.500.000 đồng cho T9. Thiệt lấy giấy chứng minh nhân dân photocopy và hình thẻ của Võ Minh H11, Trương T14 có sẵn trong hồ sơ đăng ký học đưa cho Trương Nhân H2 làm 02 chứng chỉ thợ máy đứng tên Võ Minh H11, Trương Thu. Tiếp đến, đầu năm 2020, Huỳnh Thị T15 liên hệ nhờ T9 làm giả 01 chứng chỉ thợ máy đứng tên Lê Công Châu D2 để sử dụng thì T9 yêu cầu chị T15 cung cấp giấy chứng minh nhân dân photocopy, hình thẻ của Lê Công Châu D2 và 2.500.000 đồng để làm chứng chỉ thợ máy. Sau khi có được hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy, T9 đưa cho H2 làm 03 chứng chỉ thợ máy tàu cá mang tên Võ Minh H11, Trương T14, Lê Công Châu D2. La Văn T9 thu lợi bất chính 600.000 đồng.

**2.3.** Hành vi của Hồ L4 thông qua Trương Nhân H2 làm giả 01 chứng chỉ thợ máy mang tên Nguyễn Văn T16:

Hồ Lôi (chủ tàu số đăng ký tàu cá BD97292TS) quen biết Trương Nhân H2. Năm 2020, H2 đặt vấn đề với Lôi làm chứng chỉ thợ máy, thì L4 cung cấp giấy chứng minh nhân dân photocopy, hình thẻ của Nguyễn Lê Văn T17 và 2.000.000 đồng cho H2 làm giả chứng chỉ thợ máy tên Nguyễn Lê Văn T17. Huỳnh gửi cho Nguyễn Tấn H6, H6 trích lại cho H2 200.000 đồng.

Như vậy, Trương Nhân H2 thông qua Nguyễn Tấn H6 làm giả 18 chứng chỉ thợ máy (cung cấp cho cho Võ Thị D 14 chứng chỉ, La Văn T9 03 chứng chỉ và Hồ L 01 chứng chỉ). H2 thu lợi bất chính 1.800.000 đồng, La Văn T9 thu lợi bất chính 1.100.000 đồng, Võ Thị D thu lợi bất chính 500.000 đồng và Phan Thị T4 thu lợi bất chính 700.000 đồng.

**3.** Hành vi của Trương Văn H7 câu kết với vợ chồng Huỳnh Thị Minh T5, Nguyễn Văn Đ1 rồi thông qua Nguyễn Tấn H6 làm giả 06 chứng chỉ thợ máy, thu lợi bất chính 1.600.000 đồng:

**3.1.** Hành vi của Trương Văn H7 câu kết với vợ chồng Huỳnh Thị Minh T5, Nguyễn Văn Đ1 làm giả chứng chỉ thợ máy:

Đầu năm 2020, Nguyễn Tấn H6 đặt vấn đề với Trương Văn H7 làm giả chứng chỉ thợ máy tàu cá và yêu cầu cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy để H6 làm và hưởng chênh lệch, thì được Hiệp đồng ý. Sau đó, H7 móc nối với vợ chồng Huỳnh Thị Minh T5, Nguyễn Văn Đ1 để vợ chồng T5 gặp các chủ tàu cá, người thân chủ tàu gợi ý họ cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy đưa cho H7 để làm giả 06 chứng chỉ thợ máy, thu lợi bất chính 5.900.000 đồng, cụ thể như sau.

- Huỳnh Thị Minh T5 gặp chị Trần Thị X2 (vợ của chủ tàu Nguyễn S1, trú tại: T, Tam Quan B, thị xã H) yêu cầu cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy của Huỳnh L5 để làm chứng chỉ thợ máy thì Trần Thị X2 đồng ý và đưa 1.200.000 đồng cho T5. Sau đó, T5 nói Nguyễn Văn Đ1 đem hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy gửi cho Trương Văn H7 làm giả chứng chỉ đứng tên Huỳnh L5.

- Huỳnh Thị Minh T5 gặp chị Phạm Thị Ngọc N6 (vợ chủ tàu La Tàu, số đăng ký tàu cá BĐ 97391TS) yêu cầu cung cấp hình thẻ và Giấy chứng minh nhân dân photocopy mang tên Nguyễn Anh V2 và 3.000.000 đồng để T5 đưa Nguyễn Văn Đ1 gửi cho Trương Văn H7 làm giả chứng chỉ thợ máy, với giá 2.700.000 đồng, H7 chỉ cho Đ1 300.000 đồng.

- Huỳnh Thị Minh T5 gặp chị Nguyễn Thùy D3 (vợ chủ tàu Nguyễn Hứa, số đăng ký tàu cá BĐ 97083TS) yêu cầu đưa hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy của Nguyễn H12 và 4.000.000 đồng để gửi cho Trương Văn H7 làm giả. Tiếp đến, khi gặp Lê Đức H13 (chủ tàu cá), T5 cũng yêu cầu anh H13 đưa hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy của Nguyễn Ái P5 và 2.000.000 đồng. Khi nhận các hình thẻ và giấy chứng minh nhân dân photocopy, T5 đưa cho Nguyễn Văn Đ1 để gửi cho Trương Văn H7 làm giả, H7 chỉ cho Đ1 1.300.000 đồng.

- Huỳnh Thị Minh T5 gặp chị Lê Văn X3 chủ tàu (số đăng ký tàu cá BĐ 95410TS) cùng con dâu là Đinh Thị P6 (có góp vốn với X3) lấy hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy của Nguyễn Thành T18 và 5.000.000 đồng đưa cho Nguyễn Văn Đ1 để Đ1 gửi cho Trương Văn H7 làm giả, Đ1 thu lợi bất chính 1.200.000 đồng.

- Huỳnh Thị Minh T5 gặp Trần Thị K2 yêu cầu cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy mang tên Phạm N7 và 4.000.000 đồng cho T5. Sau khi nhận các giấy tờ trên, T5 đưa cho Trương Văn H7 làm giả với giá 2.800.000 đồng. Sau khi làm xong, T5 lấy chứng chỉ đưa cho Phạm N7, T5 thu lợi bất chính 1.200.000 đồng.

Hành vi của Lê Đức H13 câu kết với Huỳnh Thị Minh T5 làm 01 chứng chỉ thợ máy đứng tên Nguyễn Ái P5, thu lợi bất chính 2.000.000 đồng, cụ thể:

Khoảng tháng 4-2020, do quen Huỳnh Thị Minh T5 (vợ Nguyễn Văn Đ1), nên khi T5 đặt vấn đề làm chứng chỉ thợ máy giả, thì Lê Đức H13 đồng ý. H13 gặp và trao đổi với Võ Văn X4 (chủ tàu cá) yêu cầu đưa hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy cho H13 và 6.000.000 đồng. X4 đưa hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân photocopy mang tên Nguyễn Ái P5 (em vợ X4) cho H13 cùng 6.000.000 đồng. H13 đưa lại giấy tờ trên và 4.000.000 đồng cho vợ chồng Huỳnh Thị Minh T5. Sau khi nhận được giấy tờ, Nguyễn Văn Đ1 đưa cho Trương Văn H7, H13 thu lợi bất chính 2.000.000 đồng.

**3.2.** Hành vi của Nguyễn Thị L1 và Cao Thị T6 câu kết với Nguyễn Tấn H6 làm giả 02 chứng chỉ thợ máy, cụ thể:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên vào năm 2019, Cao Thị T6 gặp Nguyễn Thị L1 và biết L1 ở gần nhà Nguyễn Tấn H6 có làm giả chứng chỉ thợ máy tàu cá mà không phải đăng ký học, nên hỏi L1 thì L1 được trả lời “Có” và chỉ cần đưa hình thẻ, Giấy chứng minh nhân dân photocopy và 3.000.000 đồng/01 chứng chỉ. Nghe vậy, Cao Thị T6 gặp các thân nhân chủ tàu như Trần Văn H14 (số đăng ký tàu cá BÐ97030TS) và Nguyễn Thị Hải N8 (vợ chủ tàu Huỳnh Duy T19, số đăng ký tàu cá BÐ96370TS) rồi yêu cầu họ cung cấp hình thẻ, Giấy chứng minh nhân dân photocopy và 3.000.000 đồng/01 chứng chỉ. Trần H14, Nguyễn Thị Hải N8 đưa hình thẻ, Giấy chứng minh nhân dân photocopy mang tên Trần Xuân Q1 và Đặng Thanh K3 và tiền làm giả, mỗi chứng chỉ là 3.000.000 đồng gửi cho T6, T6 giao lại cho Nguyễn Thị L1 để L1 gửi cho Nguyễn Tấn H6. Sau khi làm giả xong, L1 đưa cho T6 để T6 giao cho các chủ tàu.

**3.3. Hành vi của Lê L2 đã thông qua Nguyễn Tấn H6 làm giả 02 chứng chỉ thợ máy, cụ thể:**

Cuối năm 2019, Nguyễn Tấn H6 chủ động làm quen với Lê L2. Trong lúc trao đổi, H6 nói với L2 tìm người có nhu cầu làm chứng chỉ thợ máy giả và chỉ cần cung cấp hình thẻ, Giấy chứng minh nhân dân photocopy và 2.000.000 đồng/01 chứng chỉ và trích lại cho L2 100.000 đồng, thì được L2 đồng ý. Sau đó, L2 gặp Phạm Đình P7 (chủ tàu số đăng ký BÐ96169TS), nói P7 đưa hình thẻ, Giấy chứng minh nhân dân photocopy và 2.200.000 đồng cho L2 để L2 gửi cho Nguyễn Tấn H6. Đối với Nguyễn T20 (là thuyền viên) có góp 1/4 vốn của tàu cá Phạm Đình P7 cũng có nhu cầu làm chứng chỉ thợ máy, nên đã lấy hình thẻ, Giấy chứng minh nhân dân photocopy và 2.200.000 đồng gửi cho L2 làm chứng chỉ thợ máy đứng tên Nguyễn Trọng .1 Sau khi làm xong 02 chứng chỉ thợ máy đứng tên Phạm Minh V3 và Nguyễn T20, L2 đến nhà Nguyễn Tấn H6 lấy đưa cho các chủ tàu cá, Lập thu lợi bất chính 600.000 đồng.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 28-3-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định:***

**1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:**

- Lê Thị K 03 (**ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20-4-2022 đến ngày 18-7-2022).

**2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:**

- Trần Thị Hiền H1 03 (**ba**) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:**



- **Trương Nhân Huynh 03 (ba)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28-12-2021 đến ngày 26-5-2022).

**4.** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Võ Thị D 03 (ba)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28-12-2021 đến ngày 26-5-2022).

**5.** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Phan Thị T4 03 (ba)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28-12-2021 đến ngày 26-5-2022).

**6.** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Văn Đ1 02 (hai)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**7.** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Cao Thị T6 02 (hai)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**8.** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Thị L1 02 (hai)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**9.** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Thị Bích T8 02 (hai)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**10.** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lê Lập 02 (hai)** năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với 04 bị cáo khác; quyết định tịch thu tiền thu lợi bất chính sung ngân sách Nhà nước; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03-4-2023, Phan Thị T4 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 05-4-2023, Trần Thị Hiền H1 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 06-4-2023, Trương Nhân H2, Nguyễn Thị L1, Cao Thị T6, Lê L2, Trần Thị Bích T8, Nguyễn Văn Đ1 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 07-4-2023, Võ Thị D kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 12-4-2023, Lê Thị K kháng cáo xin giảm hình phạt và cho hưởng án treo.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa;*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, 10 bị cáo, gồm: Lê Thị K, Trần Thị Hiền H1, Trương Nhân H2, Nguyễn Thị L1, Cao Thị T6, Lê L2, Trần Thị Bích T8, Nguyễn Văn Đ1, Phan Thị T4 và Võ Thị D kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị K, Cao Thị T6, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn Đ1, Lê L2, Trần Thị Bích T8 vắng mặt (có đơn xin hoãn phiên tòa). Tuy nhiên, xét thấy lý do xin hoãn phiên tòa của các bị cáo không phải do trở ngại khách quan hoặc bất khả kháng, do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt bị cáo.

Các bị cáo Trần Thị Hiền H1, Trương Nhân H2, Võ Thị D và Phan Thị T4 có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị K.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trương Nhân H2, Trần Thị Hiền H1, Cao Thị T6, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn Đ1, Lê L2, Trần Thị Bích T8, Võ Thị D và Phan Thị T4.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, theo hướng: Giảm hình phạt cho các bị cáo Trương Nhân H2, Trần Thị Hiền H1, Cao Thị T6, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn Đ1, Lê L2, Trần Thị Bích T8 và Võ Thị D; giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo Phan Thị T4 được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào nguyên nhân phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo không tranh luận; nói lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Trong các năm 2019 - 2020, Lê Thị K, Trần Thị Hiền H1, Nguyễn Tấn H6 đã móc nối với đối tượng tên H8 ở Đồng Nai (không xác định được nhân thân) làm giả 34 chứng chỉ (trong đó, có 33 chứng chỉ thợ máy và 01 chứng chỉ máy trưởng); trong tổng số 34 chứng chỉ giả này, Trương Nhân H2 và Nguyễn Tấn H6 làm giả 18 chứng chỉ thợ máy để cung cấp cho Võ Thị D, La Văn T9 và Hồ L4, thu lợi bất chính 1.800.000 đồng, cụ thể: Võ Thị D câu kết với Trương Nhân H2 làm giả 06 chứng chỉ thợ máy, thống nhất với Phan Thị T4 làm giả 08 chứng chỉ thợ máy, thu lợi bất chính 500.000 đồng; La Văn T9 làm giả 03 chứng chỉ thợ máy, thu lợi bất chính 600.000 đồng; Hồ L4 làm giả 01 chứng chỉ thợ máy; Trương Văn H7 cùng vợ chồng Huỳnh Thị Minh T5 và Nguyễn Văn Đ1 thông qua Nguyễn Tấn H6 làm giả 06 chứng chỉ thợ máy, thu lợi bất chính 1.600.000 đồng; Huỳnh Thị Minh T5 câu kết với Trương Văn H7 làm giả 06 chứng chỉ thợ máy thu lợi 3.000.000 đồng; Nguyễn Văn Đ1 giúp sức cho vợ là Huỳnh Thị Minh T5 làm giả 05 chứng chỉ thợ máy thu lợi bất chính 2.900.000 đồng; La Văn T9 thông qua Trương Nhân H2 làm giả 03 chứng chỉ thợ máy, thu lợi bất chính 1.100.000 đồng; Nguyễn Thị L1 và Cao Thị T6 câu kết với Nguyễn Tấn H6 làm giả 02 chứng chỉ thợ máy; Lê L2 thông qua Nguyễn Tấn H6 làm giả 02 chứng chỉ thợ máy, thu lợi bất chính 600.000 đồng; Trần Thị Bích T8 thông qua Nguyễn Tấn H6 làm giả 02 chứng chỉ thợ máy.

ơ

Với các hành vi phạm tội nêu trên, Toà án nhân dân tỉnh Bình Định kết án các bị cáo Lê Thị K, Trần Thị Hiền H1, Trương Nhân H2, Nguyễn Thị L1, Cao Thị T6, Trần Thị Bích T8, Nguyễn Văn Đ1, Võ Thị D, Phan Thị T4 và Lê L2 về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước và gây nhiều dư luận xấu trong nhân dân. Trong vụ án này, có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi để có mức hình phạt đối với từng bị cáo.

- Đối với Lê Thị K:

Bị cáo móc nối với người tên H8 (không rõ lai lịch), sau đó liên kết với Trần Thị Hiền H1 và Nguyễn Tấn H6 làm giả 34 chứng chỉ (trong đó, có 33 chứng chỉ thợ máy và 01 chứng chỉ máy trưởng) cho các chủ tàu cá và người làm biển đánh bắt xa bờ, thu lợi bất chính 6.900.000 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính và cần phải xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, do bị cáo có

nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính; quá trình công tác có nhiều thành tích, được tặng 02 Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Chữ thập đỏ Việt Nam, vì sự phát triển của Phụ nữ Việt Nam và nhiều Giấy khen khác; có cha tham gia Cách mạng được chính quyền địa phương xác nhận, mẹ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, phạm tội với vai trò đầu vụ, móc nối với nhiều đối tượng để làm giả nhiều tài liệu; nhân thân bị cáo trước đó đã bị kết án về tội danh này. Vì vậy, để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với các bị cáo khác:

Sau khi nhận lời Lê Thị K, (1) Trần Thị Hiền H1 đã cùng Nguyễn Tấn H6 cung cấp Giấy chứng minh nhân dân photocopy, hình thẻ của các chủ tàu cá rồi đưa cho Lê Thị K làm giả 33 chứng chỉ thợ máy và 01 chứng chỉ máy trưởng, thu lợi bất chính 31.500.000 đồng, (2) Trương Nhân H2, khi được Nguyễn Tấn H6 rủ rê, bị cáo đã nhận hình thẻ, Giấy chứng minh nhân dân photocopy của các chủ tàu cá để làm giả 18 chứng chỉ thợ máy rồi cung cấp cho Võ Thị D 14 chứng chỉ, La Văn T9 03 chứng chỉ, Hồ Lôi 01 chứng chỉ, thu lợi bất chính 1.800.000 đồng, (3) Võ Thị D, là người trực tiếp liên hệ, giao hình thẻ, chứng minh nhân dân photocopy cho Trương Nhân H2 để H2 làm giả 14 chứng chỉ thợ máy, trong tổng số 14 chứng chỉ giả này, D làm cho gia đình 06 cái, giao cho Phan Thị T4 08 cái, thu lợi bất chính 500.000 đồng, (4) Nguyễn Văn Đ1 đã có hành vi mang hình thẻ, chứng minh nhân dân photocopy, sau khi Huỳnh Thị Minh T5 (là vợ của Đ1) thu nhận của thân nhân chủ tàu rồi đưa cho Trương Văn H7 làm giả 05 chứng chỉ thợ máy, thu lợi bất chính 2.900.000 đồng, (5) La Văn T9 đã câu kết với Trương Nhân H2 làm giả 03 chứng chỉ thợ máy cung cấp cho thân nhân các chủ tàu, thu lợi bất chính 1.100.000 đồng, (6) Nguyễn Thị L1 và (7) Cao Thị T6: Lựu và T6 là bạn bè, nên T6 nhờ L1 làm giúp 02 chứng chỉ giả; T6 đưa hình thẻ và chứng minh nhân dân photocopy của 02 chủ tàu để Lựu liên hệ với Nguyễn Tấn H6 làm giả 02 chứng chỉ thợ máy và (8) Lê L2 cung cấp hình thẻ, giấy chứng minh nhân dân phô tô của 02 chủ tàu cho Nguyễn Tấn H6 làm giả 02 chứng chỉ thợ máy, thu lợi bất chính 600.000 đồng. Với hành vi phạm tội như đã nêu, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt các bị cáo từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, có bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính; Trần Thị Hiền H1 có cha ruột là thương binh loại 4; Nguyễn Thị L1 có cha là thương binh, mẹ được tặng thưởng huân chương kháng chiến; gia đình Trương Nhân H2 có công với cách mạng; Nguyễn Văn Đ1 có vợ là bị cáo trong cùng vụ án, trước khi

phạm tội bị cáo có nhiều đóng góp cho địa phương; Cao Thị Tuyết hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; ngoài ra, các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với Phan Thị T4:

Bị cáo cùng Võ Thị D làm giả 08 chứng chỉ giả thợ máy. Trong tổng số 08 chứng chỉ giả này, bị cáo đã cung cấp cho 07 chủ tàu cá và sử dụng cho gia đình 01 cái, thu lợi bất chính 700.000 đồng. Với hành vi phạm tội này, bị cáo bị xử phạt 03 năm tù là thỏa đáng. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và nguyên nhân bị cáo phạm tội cũng xuất phát từ việc tạo điều kiện cho các chủ tàu cá, những người tham gia đánh bắt xa bờ và gia đình mình dùng để đăng ký xuất nhập bến cảng để đánh bắt hải sản, giữ gìn biển đảo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4]. Về án phí:

- Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; các bị cáo được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351; các điểm a, b khoản 1 Điều 355 và các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị K.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trương Nhân H2, Trần Thị Hiền H1, Nguyễn Văn Đ1, Cao Thị T6, Nguyễn Thị L1, Lê L2, Trần Thị Bích T8, Võ Thị D và Phan Thị T4.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trương Nhân H2, Trần Thị Hiền H1, Nguyễn Văn Đ1, Cao Thị T6, Nguyễn Thị L1, Lê L2, Trần Thị Bích T8, Võ Thị D và Phan Thị T4.

**2.** Về trách nhiệm hình sự:

**2.1.** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Thị K 03 (**ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20-4-2022 đến ngày 18-7-2022).

**2.2.** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trương Nhân Huynh 02 (hai)** năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28-12-2021 đến ngày 26-5-2022).

**2.3.** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Thị Hiền H1 02 (hai)** năm về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.4.** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Văn Đ1 01 (một)** năm 09 (**chín**) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.5.** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Cao Thị T6 01 (một)** năm 09 (**chín**) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.6.** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Thị L1 01 (một)** năm 09 (**chín**) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.7.** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Thị Bích T8 01 (một)** năm 09 (**chín**) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.8.** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lê Lập 01 (một)** năm 09 (**chín**) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.9.** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Võ Thị D 01 (một)** năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28-12-2021 đến ngày 26-5-2022).

**2.10.** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Phan Thị T4 03 (**ba**) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (**năm**) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phan Thị T4 cho UBND phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4.** Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Lê Thị K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Trương Nhân H2, Trần Thị Hiền Hòa Võ Thị D4, Trần Thị Bích T8, Cao Thị T6, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thị L1, Lê L2 và Phan Thị T4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Việt Cường**